

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2024/HC-ST

Ngày 29 - 02 - 2024

Vv: “*Kiến Quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý
đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Hoan và bà Cù Thị Lan

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Kim Duyên - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 218/2023/TLST-HC ngày 13/11/2023 về việc: “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HC ngày 19/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐST-HC ngày 31/01/2024 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Trần Vĩnh L, sinh năm: 1966

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức H, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số C N, phường T, Tp ., tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Địa chỉ liên hệ: A62 Khu T, phường T, Tp ., tỉnh Đắk Lắk.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B

Địa chỉ: Số A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn H1 – Chức vụ: Chủ tịch U. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại T - Chức vụ: Phó Chủ tịch U. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân thành phố B:

- Ông Trương Văn C – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Tp. B. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Võ Quang H2 – Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Tp. B. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện trình bày:**

Ông Trần Vĩnh L là chủ sử dụng thửa đất số 173, tờ bản đồ 30, diện tích 135,5m², tại TDP H, phường T, thành phố B.

Về nguồn gốc thửa đất: Cha mẹ ông L là ông Trần X và bà Trần Thị B có thửa đất số 22, tờ bản đồ 30, phường T được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 0100881, ngày 04/4/2011, diện tích 512,6m² đất trồng cây lâu năm. Vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên cha mẹ cho ông L một phần mảnh đất trên để ông L làm nhà ở từ năm 2010. Theo đo đạc hiện trạng thực tế để bồi thường giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thực hiện dự án Hồ T là thửa đất số 173, tờ bản đồ 30, diện tích 135,5m².

Ngày 15/5/2019, UBND thành phố B ban hành Thông báo số 697/TB-UBND về việc thu hồi thửa đất số 173, tờ bản đồ 30, phường T, diện tích 135,5m² đất của ông Trần Vĩnh L, để thực hiện dự án Hồ T, phường T, thành phố B.

Ngày 02/12/2021, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 8619/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình Hồ Thủy lợi E, thành phố B (Đợt 31), trong đó có gia đình ông L được Nhà nước bồi thường với số tiền là 152 triệu đồng.

Tại thời điểm ông L nhận Thông báo thu hồi đất, ông L không có đất làm nhà ở, đất ở nào khác trong địa bàn huyện, thị xã, thành phố nơi có đất bị thu hồi. Khi có Quyết định phê duyệt phương án bồi thường gia đình ông L chấp hành, nhận tiền bồi thường và gia đình ông L phải di chuyển chỗ ở, đi ở trọ từ đó đến nay, bàn giao mặt bằng tạo điều kiện cho Nhà nước sớm thi công hoàn thành công trình.

Ngày 09/5/2023, ông L có đơn đề nghị giao đất tái định cư (lần 2) gửi đến Ủy ban nhân dân thành phố B, phòng T1, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B.

Đến ngày 20/6/2023, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B có Công văn số 113/CV-TTPTQĐ trả lời: “Ngày 25/3/2022, phòng T1 tổ chức họp thẩm định xử lý Báo cáo số 35/BC-TTPTQĐ, ngày 03/3/2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B về việc giao đất cho những người bị giải tỏa để thực hiện dự án Hồ T, thành phố B, trong đó có hộ ông Trần Vĩnh L. Sau đó Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B tiếp tục có Báo cáo số 103/BC-TTPTQĐ ngày 07/6/2023 đề xuất UBND thành phố xem xét sớm cho chủ trương giao 01 thửa đất có thu tiền sử dụng đất, không thông qua đấu giá cho hộ ông Trần Vĩnh L”.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47 ngày 15/5/2014 của Chính phủ và quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ. Gia đình ông L phải được Nhà nước giao đất ở có thu tiền sử dụng đất. Tuy nhiên, Quyết định số 8619/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường không thực hiện theo khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47 ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 3 Điều 6 sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ cho gia đình ông L là vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về bồi thường hỗ trợ, tái định cư.

Do đó, yêu cầu Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết như sau:

1/ Hủy một phần Quyết định số 8619/QĐ-UBND ngày 02/12/2021, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình Hồ Thủy lợi E, thành phố B (Đợt 31); Buộc UBND thành phố B phải ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường theo đúng các quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư mà pháp luật quy định.

2/ Buộc UBND thành phố B phải giao cho ông L 01 thửa đất ở có thu tiền sử dụng đất.

Ngoài ra, theo đơn khởi kiện ông L đề nghị Tòa án giải quyết buộc UBND thành phố B phải thực hiện bồi thường chi phí di chuyển trong phạm vi thành phố; Hỗ trợ tiền thuê nhà; Hỗ trợ chấp hành tốt việc bàn giao mặt bằng. Tuy nhiên, đến ngày 27/02/2024, ông L xin rút các yêu cầu khởi kiện này.

*** Người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:**

Ngày 02/12/2021, UBND thành phố ban hành Quyết định số 8619/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện công trình: Hồ T, thành phố B (địa bàn phường T - đợt 31). Trong đó, có ông Trần Vĩnh L bị

ảnh hưởng tài sản là nhà cấp 4, xây dựng trên thửa đất số 22, tờ bản đồ số 30, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm của hộ ông Trần X và bà Trần Thị B (là cha, mẹ của ông Trần Vĩnh L).

Nguồn gốc đất: Đất của hộ ông Trần X và bà Trần Thị B (là cha, mẹ của ông Trần Vĩnh L) được UBND thành phố cấp giấy chứng số BE 0100881, ngày 04/4/2011, thửa đất số 22, tờ bản đồ số 30, diện tích 512,6m² đất trồng cây lâu năm. Năm 2010, ông Trần Vĩnh L xây dựng căn nhà cấp 4 trên thửa đất của bố mẹ, diện tích nhà 29,95m², nhà ở được hỗ trợ tại Quyết định số 8619/QĐ-UBND, ngày 02/12/2021 của UBND thành phố B.

Hộ ông Trần Vĩnh L không phải là đối tượng thu hồi đất, đối tượng thu hồi đất là hộ ông Trần X và bà Trần Thị B (là cha, mẹ của ông Trần Vĩnh L). Khi Nhà nước thu hồi đất, thì hộ ông Trần X và bà Trần Thị B thu hồi 03 thửa đất gồm *(thửa đất số 115, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích 138,0 m² đất ở đô thị; thửa đất số 98, tờ bản đồ số 30, diện tích 150,8 m² đất ở tại đô thị và 20,1 m² đất trồng cây hàng năm khác và thửa đất số 22, tờ bản đồ số 30, diện tích 512,6 m² đất trồng cây lâu năm)* đã được bố trí 02 thửa đất tái định cư gồm thửa 422; 423, tờ bản đồ 80, phường T, tổng diện tích 200m² đất ở tại Quyết định số 3993/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 và Quyết định số 9121/QĐ-UBND ngày 20/12/2021.

Do đó, Không đủ cơ sở pháp lý giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá với hộ ông Trần Vĩnh L.

Hộ ông Trần Vĩnh L xây dựng căn nhà cấp 4 trên thửa đất của bố mẹ (là ông Trần X và bà Trần Thị B) không phải là đối tượng thu hồi đất do đó không có cơ sở để hỗ trợ tiền thuê nhà; hỗ trợ chấp hành tốt việc bàn giao mặt bằng và bồi thường chi phí di chuyển trong phạm vi thành phố cho hộ ông L.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Vĩnh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm. Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến trình bày của đương sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Vĩnh L. Hủy một phần Quyết định số 8619/QĐ-UBND ngày 02/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố

B, buộc UBND thành phố B phải giao cho ông Trần Vĩnh L 01 lô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá.

Đình chỉ yêu cầu: Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B bồi thường chi phí di chuyển trong phạm vi thành phố; Hỗ trợ tiền thuê nhà; Hỗ trợ chấp hành tốt việc bàn giao mặt bằng đúng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng.

[1.1]. Về đối tượng và thẩm quyền giải quyết: Người khởi kiện yêu cầu Hủy một phần Quyết định số 8619/QĐ-UBND ngày 02/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B (sau đây gọi tắt là Quyết định số 8619). Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.2]. Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 02/12/2021, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 8619. Ngày 08/12/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất ban hành Công văn số 657/CV-TTPTQĐ về việc thẩm tra điều kiện giao đất ở có thu tiền sử dụng đất, trong đó có hộ ông Trần Vĩnh L. Ngày 25/3/2022, các ban ngành tổ chức cuộc họp theo chỉ đạo của UBND thành phố về việc xử lý báo cáo số 35/BC-TTPTQĐ ngày 03/3/2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B về việc giao đất cho người bị giải toả không phải là người bị thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn thành phố B, trong đó có hộ ông Trần Vĩnh L. Ngày 09/5/2023, ông Trần Vĩnh L có đơn đề nghị giao đất tái định cư. Ngày 20/6/2023, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B ban hành công văn số 113/CV-TTPTQĐ về việc trả lời đơn của ông Trần Vĩnh L. Như vậy, sau khi có Quyết định số 8619 UBND thành phố B vẫn đang tiếp tục xem xét về việc giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất cho ông Trần Vĩnh L. Ngày 07/11/2023, ông L có đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung vụ án.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Vĩnh L thấy rằng:

[2.1] Theo biên bản làm việc tại UBND phường T ngày 02/6/2022, nguồn gốc đất của ông Trần Vĩnh L quản lý, sử dụng là của cha mẹ ông Trần Vĩnh L là ông Trần X và bà Trần Thị B được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 0100881, ngày 04/4/2011, thửa đất số 22, tờ bản đồ 30, phường T, diện tích 512,6m² đất trồng cây lâu năm.

Năm 2010, cha mẹ ông L cho ông L một phần diện tích thửa đất (việc cho tặng không có giấy tờ pháp lý theo quy định), ông L đã làm nhà ở, sinh sống ổn định trên đất, không bị cơ quan có thẩm quyền nào xử phạt.

Khi đo đạc hiện trạng thực tế để bồi thường giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thực hiện dự án Hồ T diện tích đất của ông L sử dụng ghi là thửa đất số 173, tờ bản đồ 30, diện tích 135,5m².

Ngày 15/5/2019, UBND thành phố B ban hành Thông báo số 697/TB-UBND về việc thu hồi thửa đất số 173, tờ bản đồ 30, phường T, diện tích 135,5m² đất của ông Trần Vĩnh L, để thực hiện dự án Hồ T, phường T, thành phố B.

Ngày 02/12/2021, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 8619/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình Hồ Thủy lợi E, thành phố B (Đợt 31), trong đó có gia đình ông L, được Nhà nước bồi thường với số tiền là 152 triệu đồng.

[2.2] Về yêu cầu buộc UBND thành phố B phải giao cho ông L 01 thửa đất ở có thu tiền sử dụng đất, thì thấy:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47 ngày 15/5/2014 của Chính phủ “4. Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất. Giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở; giá đất ở tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.” và quy định tại khoản 3 Điều 6, được sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ như sau: “3. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở (kể cả trường hợp xây dựng gắn liền đất nông nghiệp, đất nhận khoán, đất nhận liên kết, đất lấn, chiếm của các công ty nông, lâm nghiệp) nếu tại thời điểm thông báo thu hồi đất không có nhà ở, đất ở

nào khác trong địa bàn huyện, thị xã, thành phố nơi có đất bị thu hồi thì được xem xét giao một thửa đất ở làm nhà ở có thu tiền sử dụng đất.”

Tại Công văn số 657/CV-TTPTQĐ ngày 08/12/2021 của Trung tâm phát triển quỹ đất Tp . qua xác minh điều kiện nhà ở đất ở trên địa bàn Tp ., trong đó có hộ ông Trần Vĩnh L phải tháo dỡ hết nhà ở và di chuyển chỗ ở, không có nhà ở, đất ở nào khác trong địa bàn huyện, thị xã, thành phố nơi có đất bị thu hồi.

Như vậy, đối chiếu với các quy định nêu trên thì thấy tại thời điểm ông L có thông báo thu hồi đất thì ông L đủ điều kiện xem xét giao một thửa đất ở làm nhà ở có thu tiền sử dụng đất.

[2.3] Đối với ý kiến của người bị kiện cho rằng hộ ông Trần Vĩnh L không phải là đối tượng bị thu hồi đất, đối tượng bị thu hồi đất là hộ ông Trần X và bà Trần Thị B (là cha, mẹ của ông Trần Vĩnh L). Khi Nhà nước thu hồi đất, thì hộ ông Trần X và bà Trần Thị Ba b thu hồi 03 thửa đất (*gồm thửa đất số 115, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích 138,0 m² đất ở đô thị; thửa đất số 98, tờ bản đồ số 30, diện tích 150,8 m² đất ở tại đô thị và 20,1 m² đất trồng cây hàng năm khác và thửa đất số 22, tờ bản đồ số 30, diện tích 512,6 m² đất trồng cây lâu năm*) đã được bố trí 02 thửa đất tái định cư. Theo quy định tại khoản 2 Điều 6 được sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ quy định: *“Trường hợp hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất ở có diện tích đất ở bị thu hồi từ 02 lần trở lên so với diện tích của 01 thửa đất được bố trí tái định cư mà không thuộc đối tượng quy định Khoản 1 Điều này thì UBND cấp huyện xem xét giao thêm một thửa đất có thu tiền sử dụng đất”* nên hộ ông Trần X và bà Trần Thị B được bố trí 02 thửa đất tái định cư. Tuy nhiên, trường hợp của hộ ông L như phân tích nêu trên thì bị thu hồi thửa đất 173, tờ bản đồ số 30 là chưa được bố trí tái định cư và căn cứ khoản 1 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung tại mục 1 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ: *“1. Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở bị thu hồi, đủ điều kiện để tách thành những hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một thửa đất ở bị thu hồi, căn cứ vào nhu cầu và quỹ đất của địa phương UBND cấp huyện xem xét giao thêm một thửa đất có thu tiền sử dụng đất.”* thì được xem xét giao thêm một thửa đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá là có cơ sở chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

[2.4] Về yêu cầu hỗ trợ chi phí di chuyển trong phạm vi thành phố; Hỗ trợ tiền thuê nhà; Hỗ trợ chấp hành tốt việc bàn giao mặt bằng.

Quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các khoản hỗ trợ này. Xét đây là sự tự nguyện của người khởi kiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 173 Luật Tố tụng hành chính.

[2.5]. Từ những căn cứ trên xét thấy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Vĩnh L huỷ một phần quyết định số: 8619/QĐ-UBND ngày 02/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình Hồ Thủy lợi E, thành phố B (Đợt 31); Buộc UBND thành phố B phải giao cho ông Trần Vĩnh L 01 thửa đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá.

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên ông Trần Vĩnh L không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; Điều 158; khoản 2 Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính;

Áp dụng Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ.

Áp dụng khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Vĩnh L.

- Hủy một phần Quyết định số 8619/QĐ-UBND ngày 02/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông Trần Vĩnh L khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình Hồ Thủy lợi E, thành phố B (Đ).

- Buộc UBND thành phố B phải giao cho ông Trần Vĩnh L 01 lô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá.

[2] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Vĩnh L về việc: Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B hỗ trợ chi phí di chuyển trong phạm vi thành phố; Hỗ trợ tiền thuê nhà; Hỗ trợ chấp hành tốt việc bàn giao mặt bằng đúng theo quy định pháp luật.

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm:

- Trả lại cho ông Trần Vĩnh L 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004610 ngày 08/11/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

- Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Y Phi Kbuôr